

ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP.HCM
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ - LUẬT

Số: 855/QĐ-ĐHKTL

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 9 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ - LUẬT

Căn cứ Quyết định số 26/2014/QĐ-TTg ngày 26 tháng 03 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Đại học Quốc gia và các cơ sở giáo dục đại học thành viên;

Căn cứ Quyết định số 377/QĐ-TTg ngày 24 tháng 03 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Kinh tế - Luật thuộc ĐHQG TP.HCM;

Căn cứ Quyết định số 262/QĐ-ĐHQG ngày 20 tháng 04 năm 2017 của Giám đốc Đại học Quốc gia TP.HCM về việc ban hành Quy chế đào tạo đại học;

Căn cứ Thông báo 136/TB-ĐHKTL ngày 28 tháng 6 năm 2021 về kết luận các nội dung thống nhất điều chỉnh chương trình và kế hoạch đào tạo trình độ đại học năm 2021;

Căn cứ Biên bản họp Hội đồng Khoa học và Đào tạo Trường Đại học Kinh tế - Luật ngày 25 tháng 8 năm 2021;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Đào tạo.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay ban hành kèm theo Quyết định này các chương trình đào tạo trình độ đại học (chương trình đào tạo đính kèm).

Điều 2. Các chương trình đào tạo trình độ đại học được ban hành theo Quyết định này được áp dụng từ khóa tuyển sinh năm 2021.

Điều 3. Các ông (bà) Trưởng phòng Đào tạo, Trưởng các Khoa, Trưởng các đơn vị thuộc Trường Đại học Kinh tế - Luật chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu VT, P.Đào tạo.



Nguyễn Tiến Dũng

ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP.HCM
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ - LUẬT

Số: 855/QĐ-ĐHKTL

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 9 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ - LUẬT

Căn cứ Quyết định số 26/2014/QĐ-TTg ngày 26 tháng 03 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Đại học Quốc gia và các cơ sở giáo dục đại học thành viên;

Căn cứ Quyết định số 377/QĐ-TTg ngày 24 tháng 03 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Kinh tế - Luật thuộc ĐHQG TP.HCM;

Căn cứ Quyết định số 262/QĐ-ĐHQG ngày 20 tháng 04 năm 2017 của Giám đốc Đại học Quốc gia TP.HCM về việc ban hành Quy chế đào tạo đại học;

Căn cứ Thông báo 136/TB-ĐHKTL ngày 28 tháng 6 năm 2021 về kết luận các nội dung thống nhất điều chỉnh chương trình và kế hoạch đào tạo trình độ đại học năm 2021;

Căn cứ Biên bản họp Hội đồng Khoa học và Đào tạo Trường Đại học Kinh tế - Luật ngày 25 tháng 8 năm 2021;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Đào tạo.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay ban hành kèm theo Quyết định này các chương trình đào tạo trình độ đại học (chương trình đào tạo đính kèm).

Điều 2. Các chương trình đào tạo trình độ đại học được ban hành theo Quyết định này được áp dụng từ khóa tuyển sinh năm 2021.

Điều 3. Các ông (bà) Trưởng phòng Đào tạo, Trưởng các Khoa, Trưởng các đơn vị thuộc Trường Đại học Kinh tế - Luật chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu VT, P.Đào tạo.



DANH SÁCH CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO RÀ SOÁT VÀ ĐIỀU CHỈNH NĂM 2021

(Kèm theo Quyết định số 55/QĐ-ĐHKTL ngày 20/9/2021 của Trường Đại học Kinh tế - Luật)

STT		Tên chương trình đào tạo	Khoa quản lý	Ghi chú
Đại trà				
1	401	Kinh tế học	Khoa Kinh tế	
2	402	Kinh tế đối ngoại	Khoa Kinh tế Đối ngoại	
3	403	Kinh tế và quản lý công	Khoa Kinh tế	
4	404	Tài chính - Ngân hàng	Khoa Tài chính Ngân hàng	
5	405	Kế toán	Khoa kế toán kiểm toán	
6	406	Hệ thống thông tin quản lý	Khoa Hệ thống thông tin	
7	407	Quản trị kinh doanh	Khoa Quản trị kinh doanh	
8	408	Kinh doanh quốc tế	Khoa Kinh tế Đối ngoại	
9	409	Kiểm toán	Khoa kế toán kiểm toán	
10	410	Marketing	Khoa Quản trị kinh doanh	
11	411	Thương mại điện tử	Khoa Hệ thống thông tin	
12	412	Ngân hàng	Khoa Tài chính Ngân hàng	
13	413	Toán ứng dụng trong kinh tế, quản trị và tài chính	Khoa Toán Kinh tế	
14	414	Công nghệ tài chính	Khoa Tài chính Ngân hàng	
15	415	Quản trị du lịch và lữ hành	Khoa Quản trị kinh doanh	
16	501	Luật kinh doanh	Khoa Luật Kinh tế	
17	502	Luật thương mại quốc tế	Khoa Luật Kinh tế	
18	503	Luật dân sự	Khoa Luật	
19	504	Luật tài chính ngân hàng	Khoa Luật	
Chất lượng cao				
20	401C	Kinh tế học chất lượng cao	Khoa Kinh tế	
21	402C	Kinh tế đối ngoại chất lượng cao	Khoa Kinh tế Đối ngoại	
22	403C	Kinh tế và quản lý công chất lượng cao	Khoa Kinh tế	
23	404C	Tài chính - Ngân hàng chất lượng cao	Khoa Tài chính Ngân hàng	
24	405C	Kế toán chất lượng cao	Khoa kế toán kiểm toán	
25	406C	Hệ thống thông tin quản lý chất lượng cao	Khoa Hệ thống thông tin	
26	407C	Quản trị kinh doanh chất lượng cao	Khoa Quản trị kinh doanh	
27	408C	Kinh doanh quốc tế chất lượng cao	Khoa Kinh tế Đối ngoại	
28	409C	Kiểm toán chất lượng cao	Khoa kế toán kiểm toán	
29	410C	Marketing chất lượng cao	Khoa Quản trị kinh doanh	
30	411C	Thương mại điện tử chất lượng cao	Khoa Hệ thống thông tin	
31	413C	Toán ứng dụng trong kinh tế, quản trị và tài chính chất lượng cao	Khoa Toán Kinh tế	
32	414C	Công nghệ tài chính chất lượng cao	Khoa Tài chính Ngân hàng	
33	416C	Kinh doanh số và trí tuệ nhân tạo chất lượng cao	Khoa Hệ thống thông tin	



Handwritten signature

34	501C	Luật kinh doanh chất lượng cao	Khoa Luật Kinh tế	
35	502C	Luật thương mại quốc tế chất lượng cao	Khoa Luật Kinh tế	
36	503C	Luật dân sự chất lượng cao	Khoa Luật	
37	504C	Luật tài chính ngân hàng chất lượng cao	Khoa Luật	
Chất lượng cao bằng tiếng Anh				
38	404CA	Tài chính - Ngân hàng chất lượng cao bằng tiếng Anh	Khoa Tài chính Ngân hàng	
39	405CA	Kế toán chất lượng cao bằng tiếng Anh	Khoa kế toán kiểm toán	
40	407CA	Quản trị kinh doanh chất lượng cao bằng tiếng Anh	Khoa Quản trị kinh doanh	
41	408CA	Kinh doanh quốc tế chất lượng cao bằng tiếng Anh	Khoa Kinh tế Đối ngoại	
Chất lượng cao bằng tiếng Pháp				
42	504CP	Luật tài chính ngân hàng chất lượng cao tăng cường Tiếng Pháp	Khoa Luật	
Song ngành các Trường thành viên ĐHQG-HCM				
43	402SN	Kinh tế đối ngoại/Kinh tế quốc tế	Khoa Kinh tế Đối ngoại	
44	407SN	Quản trị sinh doanh	Khoa Quản trị kinh doanh	
45	501SN	Luật Kinh tế	Khoa Luật Kinh tế	

Tổng cộng: 45 chương trình



CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO SONG NGÀNH TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC

(Ban hành tại Quyết định số ngàytháng.....năm.....)

của Hiệu trưởng trường đại học Kinh tế-Luật)

1. Thông tin chung về chương trình đào tạo song ngành

- Ngành/chương trình đào tạo: **Kinh tế quốc tế/Kinh tế đối ngoại;**
- Mã ngành đào tạo: **7310106**
 - + Tiếng Việt: Kinh tế quốc tế/Kinh tế đối ngoại;
 - + Tiếng Anh: International Economics/International Economic Relations;
 - + Cơ sở đào tạo cấp bằng: Trường Đại học Kinh tế - Luật
 - + Tên văn bằng sau khi tốt nghiệp:
 - Tiếng Việt: Cử nhân Kinh tế, Ngành Kinh tế quốc tế.
 - Tiếng Anh: Bachelor of Economics in International Economics.
- Loại hình đào tạo: Chính quy tập trung
- Thời gian đào tạo: 4 - 6 năm (song hành cùng bằng 1)

2. Mục tiêu đào tạo

Mục tiêu chung: Mục tiêu chung của chương trình nhằm đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao trong lĩnh vực kinh tế quốc tế, không chỉ có kiến thức vững vàng về những vấn đề cơ bản trong lĩnh vực kinh tế nói chung mà còn sự hiểu biết chuyên sâu về lĩnh vực kinh tế quốc tế nói riêng. Ngoài ra, người học còn được trang bị những kỹ năng, phẩm chất cần thiết để có thể thích ứng, nhạy bén và tự tin trước những thay đổi của môi trường kinh tế toàn cầu. Bằng cách cung cấp những trải nghiệm học tập khác nhau trong và ngoài lớp học, người học được khuyến khích phát triển kỹ năng tư duy toàn cầu, có trải nghiệm học tập hiệu quả tại UEL để trở thành nền tảng của học tập suốt đời.

Mục tiêu cụ thể:

- *Kiến thức cơ bản theo chiều rộng:* sinh viên hiểu biết về các lĩnh vực khoa học tự nhiên, khoa học xã hội và nhân văn, khoa học pháp lý, khoa học kinh tế để có thể áp dụng kiến thức thành công trong nhiều lĩnh vực và các vị trí tuyển dụng.
- *Kiến thức chuyên sâu:* sinh viên được trang bị kiến thức cơ bản về Kinh tế, kinh doanh và chuyên sâu về Kinh tế quốc tế để sẵn sàng tham gia vào thị trường lao động hoặc tiếp tục học ở bậc sau đại học.

- *Tinh chuyên nghiệp*: trang bị cho sinh viên những kỹ năng chuyên môn và các kỹ năng mềm để thích nghi cao với những thách thức của thế kỉ 21.
- *Phẩm chất cá nhân & kỹ năng tiếng Anh*: trang bị cho sinh viên có đạo đức nghề nghiệp, thái độ đúng đắn, khả năng học tập và tự học suốt đời. Đồng thời trang bị cho sinh viên kỹ năng tiếng Anh thông qua các hoạt động học tập, nghiên cứu, sinh hoạt ngoại khóa... nhằm đảm bảo sinh viên sẵn sàng làm việc trong môi trường toàn cầu.

3. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (Cụ thể hóa từ mục tiêu cụ thể)

TT	Chuẩn đầu ra	Trình độ năng lực
1	Kiến thức và lập luận ngành	
1.1	Áp dụng kiến thức cơ bản khối ngành kinh tế để giải quyết các vấn đề kinh tế.	(3)
1.2	Áp dụng kiến thức cơ sở ngành kinh tế quốc tế để giải quyết các vấn đề kinh tế trong bối cảnh đa dạng.	(3)
1.3	Áp dụng kiến thức chuyên ngành kinh tế quốc tế để giải quyết các vấn đề trong lĩnh vực kinh tế quốc tế trong bối cảnh đa dạng.	(3)
2	Kỹ năng, phẩm chất cá nhân và nghề nghiệp	
2.1	Thể hiện khả năng phân tích, tổng hợp dữ liệu, thông tin để giải quyết vấn đề và ra quyết định kinh doanh hiệu quả.	(3)
2.2	Có khả năng nghiên cứu và khám phá kiến thức.	(3)
2.3	Có khả năng tư duy phản biện và tư duy hệ thống trong nhiều bối cảnh kinh doanh khác nhau.	(3)
2.4	Có thái độ tự trọng đúng đắn và khả năng học tập suốt đời.	(3)
2.5	Có đạo đức, công bằng và các trách nhiệm khác đối với cộng đồng.	(3)
3	Làm việc nhóm và kỹ năng giao tiếp	
3.1	Có khả năng làm việc với người khác trong các bối cảnh kinh doanh và nghề nghiệp khác nhau.	(3)
3.2	Có khả năng giao tiếp trong các bối cảnh khác nhau.	(3)
3.3	Có kỹ năng giao tiếp bằng ngoại ngữ.	(3)
4	Năng lực thực hành nghề nghiệp	
4.1	Hiểu rõ bối cảnh bên ngoài, xã hội và môi trường.	(2)
4.2	Hiểu rõ bối cảnh doanh nghiệp và môi trường kinh tế quốc tế.	(3)
4.3	Áp dụng kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp trong lĩnh vực kinh tế quốc tế.	(4)

Thang trình độ năng lực

Trình độ năng lực	Mô tả	Trình độ năng lực	Mô tả
0.0 - 2.0	Có biết qua/có nghe qua	3.5 - 4.0	Có khả năng phân tích
2.0 - 3.0	Có hiểu biết/có thể tham gia	4.0 - 4.5	Có khả năng tổng hợp
3.0 - 3.5	Có khả năng ứng dụng	4.5 - 5.0	Có khả năng đánh giá

4. Thông tin tuyển sinh đào tạo song ngành

a. Đối tượng tuyển sinh: Sinh viên đảm bảo tất cả yêu cầu sau:

- Tất cả sinh viên đang theo học trình độ đại học – hình thức giáo dục chính quy tại các cơ sở đào tạo trong khối ĐHQG-HCM;
- Ngành đào tạo của chương trình đào tạo thứ hai phải khác ngành đào tạo của chương trình đào tạo thứ nhất;
- Không có sự khác biệt trong hình thức và trình độ đào tạo giữa hai chương trình đào tạo;
- Đã hoàn thành học kỳ 1 năm học đầu tiên của chương trình đào tạo thứ nhất và sinh viên thuộc diện xếp loại học lực trung bình khá trở lên (từ 6.0 trên thang điểm 10)

b. Hình thức tuyển sinh: Xét tuyển hồ sơ;

c. Dự kiến chỉ tiêu tuyển sinh, quy mô đào tạo: Theo đề án tuyển sinh hằng năm của Trường Đại học Kinh tế - Luật.

5. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp (ghi rõ theo quy chế đào tạo nào, số quyết định, ngày ban hành)

- Quy định đào tạo: Thực hiện theo Quy định đào tạo song ngành trình đại đại học hệ chính quy tại ĐHQG-HCM, ban hành kèm theo Quyết định 1195/QĐ-ĐHQG ngày 27/9/2019 của Giám đốc Đại học Quốc gia TPHCM và thực hiện theo Quy chế đào tạo đại học, ban hành kèm theo Quyết định số 789/QĐ-ĐHKT-L ngày 09/08/2017 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế - Luật;
- Điều kiện tốt nghiệp: Sinh viên chỉ được xét tốt nghiệp chương trình đào tạo thứ hai, nếu có đủ điều kiện tốt nghiệp ở chương trình đào tạo thứ nhất;
- Văn bằng được cấp: Bằng cử nhân – hình thức giáo dục chính quy.

6. Khối lượng kiến thức toàn khoa

Theo chủ trương đào tạo song ngành theo phương thức văn bằng 2, khối kiến thức giáo dục đại cương, kiến thức bổ trợ, kiến tập, thực tập, khóa luận (luận văn tốt nghiệp)/môn học chuyên đề được xem xét công nhận chuyển đổi giữa các chương trình.

TT	Các khối kiến thức	Chương trình đào tạo ngành thứ nhất		Chương trình đào tạo song ngành (CTĐT 2)				Công nhận chuyển đổi (*)
				Cùng khối ngành		Khác khối ngành		
		Số TC	%	Số TC	%	Số TC	%	
1	Kiến thức giáo dục đại cương	36	27.69%					x
2	Kiến thức cơ sở ngành	32	24.62%			32	40.00%	x
3	Kiến thức chuyên ngành	40	30.77%	40	83.33%	40	50.00%	
4	Kiến thức bổ trợ	12	9.23%					x
5	Kiến tập, Thực tập, Khóa luận/Môn học chuyên đề	10	7.69%	8	16.67%	8	10.00%	x
	Tổng cộng	130	100%	48	100%	80	100%	

(*): đánh dấu 'x' nếu công nhận chuyển đổi giữa các chương trình

7. Nội dung chương trình đào tạo

7.1 Nội dung chương trình đào tạo ngành thứ nhất (CTĐT 1)

TT	MÃ MÔN HỌC	TÊN MÔN HỌC	TÍN CHỈ			Công nhận chuyển đổi (*)
			Tổng cộng	Lý thuyết	TH/TN	
I	Kiến thức giáo dục đại cương (36 TC)		36			
I.1	Lý luận chính trị Mác Lênin và Tư tưởng Hồ Chí Minh: 11 tín chỉ		11	11		
	Môn học bắt buộc (11 TC)		11	11		
1	GEN1007	Triết học Mác – Lênin	3	3		x
2	GEN1008	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2		x
3	GEN1009	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	2		x
4	GEN1010	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	2		x
5	GEN1112	Kinh tế chính trị Mác – Lênin	2	2		x
I.2	Khoa học xã hội: 4 tín chỉ		4	4		x
	Môn tự chọn (4 TC)		4	4		
1	GEN1105	Văn hóa học	2	2		3 chọn 1
2	GEN1106	Xã hội học	2	2		
3	GEN1110	Cơ sở văn hoá Việt Nam	2	2		
4	GEN1103	Địa chính trị thế giới	2	2		3 chọn 1
5	GEN1104	Quan hệ quốc tế	2	2		
6	GEN1109	Lịch sử văn minh thế giới	2	2		
I.3	Nhân văn – Kỹ năng: 4 tín chỉ		4	4		x
	Môn tự chọn (4 TC)		4	4		x
1	GEN1101	Tâm lý học	2	2		3 chọn 1
2	GEN1102	Nhập môn giao tiếp	2	2		
3	ECO1033	Nhân học đại cương	2	2		
4	BUS1303	Kỹ năng làm việc nhóm	2	2		2 chọn 1
5	GEN1112	Nghiệp vụ hành chính văn phòng	2	2		
I.4	Khoa học pháp lý: 6 tín chỉ		6	6		
	Môn học bắt buộc (6 TC)		6	6		
1	LAW1001	Lý luận nhà nước và pháp luật	3	3		x
2	LAW1501	Luật doanh nghiệp	3	3		x
I.5	Khoa học tự nhiên: 2 tín chỉ		2	2		x
	Môn học tự chọn: (2 TC)		2	2		x
1	GEN1107	Logic học	2	2		3 chọn 1
2	MIS1105	Chuyển đổi số & Trí tuệ nhân tạo	2	2		
3	ECO1060	Kinh tế số	2	2		
I.6	Khoa học kinh tế: 9 tín chỉ		9	9		
	Môn học bắt buộc (9 TC)		9	9		
1	ECO1001	Kinh tế vi mô 1	3	3		x
2	ECO1002	Kinh tế vĩ mô 1	3	3		x
3	BUS1100	Quản trị học căn bản	3	3		x
I.7	Ngoại ngữ không chuyên: 20 tín chỉ					

1	EN01	Tiếng Anh tổng quát 1	5	4	1	x
1	EN02	Tiếng Anh tổng quát 2	5	4	1	x
1	EN03	Tiếng Anh TOEIC 1 (4 kỹ năng)	5	4	1	x
1	EN04	Tiếng Anh TOEIC 2 (4 kỹ năng)	5	4	1	x
I.8	Giáo dục thể chất: 5 tín chỉ		5			
I.9	Giáo dục quốc phòng: 165 tiết, tương ứng 5 tín chỉ.		5			
II	Kiến thức cơ sở ngành (32 TC)		32			
II.1	Kiến thức cơ sở khối ngành Kinh tế & Kinh doanh (20 TC)		20	17	3	
1	MAT1101	Toán cao cấp	3	3		x
2	MAT1002	Lý thuyết xác suất	2	2		x
3	MAT1103	Thống kê ứng dụng	2	1	1	x
4	ACC1013	Nguyên lý kế toán	3	2	1	x
5	FIN1101	Nguyên lý thị trường tài chính	3	3		x
6	BUS1200	Marketing căn bản	3	2	1	x
7	MIS1005	Hệ thống thông tin kinh doanh	2	2		x
8	COM1001	Kinh tế quốc tế	2	2		x
II.2	Kiến thức cơ sở nhóm ngành Kinh tế (12 TC)		12	9		
1	MAT1004	Kinh tế lượng	3	3		x
2	MAT1010	Phân tích dữ liệu trong kinh tế	3	3		x
3		Lịch sử kinh tế Việt Nam & các nước	3	3		x
4	ECO1005	Lập & Thẩm định dự án đầu tư	3	3		x
III	Kiến thức chuyên ngành (40 TC)		40	36	4	
	Các môn bắt buộc		37	33	4	
1	COM1013	Giới thiệu ngành KTĐN	3	2	1	
2	LAW1518	Luật thương mại quốc tế	3	3		
3	COM1032	Kinh tế đối ngoại	3	3		
4	BUS1213	Marketing quốc tế	3	3		
5	COM1007	Chính sách tài chính quốc tế	3	3		
6	COM1035	Kinh doanh quốc tế	4	3	1	
7	COM1010	Quản trị tài chính công ty đa quốc gia	3	2	1	
8	COM1009	Vận tải và bảo hiểm quốc tế	3	3		
9	COM1012	Thanh toán quốc tế	3	3		
10	COM1011	Logistics	3	3		
11	COM1004	Đàm phán kinh doanh quốc tế	3	3		
12	COM1023	Quản trị xuất nhập khẩu	3	2	1	
	Các môn tự chọn		3	3		
1	LAW1504	Luật sở hữu trí tuệ	3	3		2 chọn 1
2	COM1022	Quản trị chuỗi cung ứng	3	3		
IV	Kiến thức bổ trợ (12 TC)		12	12		x
1	COM1042	Phương pháp nghiên cứu khoa học	3	3		5 chọn 2
2	MIS1034	Thương mại điện tử	3	3		
3	COM1036	Đe dọa từ không gian mạng và toàn cầu hoá	3	3		

4	COM1027	Giao dịch thương mại quốc tế	3	3		
5	COM1038	Kỹ năng học thuật	3	3		
6	COM1028	Khởi nghiệp	3	3		
7	COM1018	Đầu tư quốc tế	3	3		
8	BUS1125	Mô hình kinh doanh số	3	3		
9	COM1033	Quản trị mua hàng toàn cầu	3	3		
V	Kiến tập, Thực tập, Khóa luận tốt nghiệp/ Môn học chuyên đề (10 TC)		10			
	Học phần bắt buộc					
1	COM1030	Kiến tập	2		2	x
2	COM1031	Thực tập cuối khoá	4		4	
	Học phần tự chọn					
3	COM1041	Khóa luận tốt nghiệp	4		4	
4	COM1046	Chuyên môn cuối khoá 1: Thuế & Thủ tục hải quan (Đối với SV không làm khoá luận tốt nghiệp)	2	2		
5	COM1047	Chuyên môn cuối khoá 2: Chính sách thương mại quốc tế (Đối với SV không làm khoá luận tốt nghiệp)	2	2		
Tổng			130			

(*): đánh dấu 'x' nếu công nhận chuyển đổi giữa các chương trình

Khối lượng kiến thức toàn khóa là 130 Tín chỉ, không kể phần kiến thức: Tiếng Anh, giáo dục thể chất và giáo dục quốc phòng.

7.2 Nội dung chương trình đào tạo song ngành (CTĐT 2)

7.2.1 Nội dung CTĐT 2_1 (nội dung CTĐT 1 khi đào tạo song ngành với các ngành cùng khối ngành với CTĐT 1)

TT	MÃ MH	MÔN HỌC		Loại MH (bắt buộc/ tự chọn)	TÍN CHỈ			Giảng dạy e-learning
		Tiếng việt	Tiếng Anh		Tổng cộng	Lý thuyết	TH/TN	
I	Kiến thức giáo dục đại cương							
II	Kiến thức cơ sở ngành							
III	Kiến thức chuyên ngành (40 TC)				40			
1	COM1013	Giới thiệu ngành KTĐN	Introduction to International Economic Relations Major	Bắt buộc	3	2	1	x
2	LAW1518	Luật thương mại quốc tế	International Trade Law	Bắt buộc	3	3		
3	COM1032	Kinh tế đối ngoại	International Economic Relations	Bắt buộc	3	3		x
4	BUS1213	Marketing quốc tế	International Marketing	Bắt buộc	3			

5	COM1007	Chính sách tài chính quốc tế	International Financial Policy	Bắt buộc	3	3		x
6	COM1035	Kinh doanh quốc tế	International Business	Bắt buộc	4	3	1	x
7	COM1010	Quản trị tài chính công ty đa quốc gia	Multinational Financial Management	Bắt buộc	3	2	1	x
8	COM1009	Vận tải và bảo hiểm quốc tế	International Transportation and Insurance	Bắt buộc	3			x
9	COM1012	Thanh toán quốc tế	International Payments	Bắt buộc	3	3		x
10	COM1011	Logistics	Logistics	Bắt buộc	3	3		x
11	COM1004	Đàm phán kinh doanh quốc tế	International Business Negotiation	Bắt buộc	3	3		x
12	COM1023	Quản trị xuất nhập khẩu	Import and Export Management	Bắt buộc	3	2	1	x
18	LAW1504	Luật sở hữu trí tuệ	Intellectual Property Law	Tự chọn	3	3		
19	COM1022	Quản trị chuỗi cung ứng	Supply Chain Management	Tự chọn		3		x
IV	Kiến thức bổ trợ							
V	Thực tập, Khóa luận tốt nghiệp/ Môn học chuyên đề				8			
1	COM1031	Thực tập cuối khoá	Graduate Internship	Bắt buộc	4		4	
2	COM1041	Khóa luận tốt nghiệp	Graduate Thesis	Tự chọn	4		4	
3	COM1046	Chuyên môn cuối khoá 1: Thuế & Thủ tục hải quan (Đối với SV không làm khoá luận tốt nghiệp)	Special Course 1: Tax and Custom Procedure	Tự chọn		2		
4	COM1047	Chuyên môn cuối khoá 2: Chính sách thương mại quốc tế (Đối với SV không làm khoá luận tốt nghiệp)	Special Course 2: International Trade Policy	Tự chọn		2		x
Tổng					48			

Ghi chú:

- Sinh làm khóa luận tốt nghiệp hoặc học 2 môn chuyên đề thay thế là Thuế & Thủ tục hải quan; Chính sách thương mại quốc tế.

- Các môn học thuộc khối kiến thức chuyên ngành nếu có tên, nội dung tương đương và có số tín chỉ $\geq$ số tín chỉ trong CTĐT 1 sẽ được chuyển đổi cho CTĐT 2_1.

7.2.2 Nội dung CTĐT 2_2 (nội dung CTĐT 1 khi đào tạo song ngành với các ngành không thuộc cùng khối ngành với CTĐT 1)

TT	MÃ MH	MÔN HỌC		Loại MH (bắt buộc/ tự chọn)	TÍN CHỈ			Giảng dạy e- learning
		Tiếng việt	Tiếng Anh		Tổng cộng	Lý thuyết	TH/TN	
I	Kiến thức giáo dục đại cương							
II	Kiến thức cơ sở ngành (32 TC)				32	29	3	
II.1	KT cơ sở khối ngành Kinh tế & Kinh doanh				20	17	3	
1	MAT1101	Toán cao cấp	Advanced Mathematics	Bắt buộc	3	3		x
2	MAT1002	Lý thuyết xác suất	Probability Theory	Bắt buộc	2	2		x
3	MAT1103	Thống kê ứng dụng	Applied	Bắt buộc	2	1	1	x
4	ACC1013	Nguyên lý kế toán	Fundamentals of Accounting	Bắt buộc	3	2	1	x
5	FIN1101	Nguyên lý thị trường tài chính	Fundamentals of Financial Markets	Bắt buộc	3	3		x
6	BUS1200	Marketing căn bản	Fundamentals of Marketing	Bắt buộc	3	2	1	x
7	MIS1005	Hệ thống thông tin kinh doanh	Business Information System	Bắt buộc	2	2		x
8	COM1001	Kinh tế quốc tế	International Economics	Bắt buộc	2	2		x
II.2	KT cơ sở nhóm ngành Kinh tế				12	12		
1	MAT1004	Kinh tế lượng	Econometrics	Bắt buộc	3	3		
2	MAT1010	Phân tích dữ liệu trong kinh tế	Economic Data Analysis	Bắt buộc	3	3		x
3		Lịch sử kinh tế Việt Nam & các nước	Economic history of Vietnam & others	Bắt buộc	3	3		
4	ECO1005	Lập & Thẩm định dự án đầu tư	Project Formulation & Appraisal	Bắt buộc	3	3		x
III	Kiến thức chuyên ngành (40 TC)				40			
1	COM1013	Giới thiệu ngành KTĐN	Introduction to International Economic Relations Major	Bắt buộc	3	2	1	x

2	LAW1518	Luật thương mại quốc tế	International Trade Law	Bắt buộc	3	3		
3	COM1032	Kinh tế đối ngoại	International Economic Relations	Bắt buộc	3	3		x
4	BUS1213	Marketing quốc tế	International Marketing	Bắt buộc	3	3		
5	COM1007	Chính sách tài chính quốc tế	International Financial Policy	Bắt buộc	3	3		x
6	COM1035	Kinh doanh quốc tế	International Business	Bắt buộc	4	3	1	x
7	COM1010	Quản trị tài chính công ty đa quốc gia	Multinational Financial Management	Bắt buộc	3	2	1	x
8	COM1009	Vận tải và bảo hiểm quốc tế	International Transportation and Insurance	Bắt buộc	3	3		x
9	COM1012	Thanh toán quốc tế	International Payments	Bắt buộc	3	3		x
10	COM1011	Logistics	Logistics	Bắt buộc	3	3		x
11	COM1004	Đàm phán kinh doanh quốc tế	International Business Negotiation	Bắt buộc	3	3		x
12	COM1023	Quản trị xuất nhập khẩu	Import and Export Management	Bắt buộc	3	2	1	x
13	LAW1504	Luật sở hữu trí tuệ	Intellectual Property Law	Tự chọn	3	3		
14	COM1022	Quản trị chuỗi cung ứng	Supply Chain Management	Tự chọn		3		x
IV	Kiến tập bổ trợ							
V	Thực tập, Khóa luận tốt nghiệp/ Môn học chuyên đề				8			
1	COM1031	Thực tập cuối khoá	Graduate Internship	Bắt buộc	4		4	
2	COM1041	Khóa luận tốt nghiệp	Graduate Thesis	Tự chọn	4		4	
3	COM1046	Chuyên môn cuối khoá 1: Thuế & Thủ tục hải quan (Đối với SV không làm khoá luận tốt nghiệp)	Special Course 1: Tax and Custom Procedure	Tự chọn		2		

4	COM1047	Chuyên môn cuối khoá 2: Chính sách thương mại quốc tế (Đối với SV không làm khoá luận tốt nghiệp)	Special Course 2: International Trade Policy	Tự chọn		2		x
Tổng					80			

Ghi chú:

- Sinh làm khóa luận tốt nghiệp hoặc học 2 môn chuyên đề thay thế là Thuế & Thủ tục hải quan; Chính sách thương mại quốc tế.
- Các môn học thuộc khối kiến thức chuyên ngành nếu có tên, nội dung tương đương và có số tín chỉ $\geq$ số tín chỉ trong CTĐT 1 sẽ được chuyển đổi cho CTĐT 2_2.

8. Dự kiến kế hoạch giảng dạy (phân bố các môn học theo từng học kỳ)

TT	Mã MH	MÔN HỌC	Số tín chỉ		Lý thuyết	Thực hành	Thuộc chương trình song ngành	
			Tổng				CTĐT 2_1	CTĐT 2_2
		HỌC KỲ 1	17					
		Môn học bắt buộc	15					
1	COM1013	Giới thiệu ngành Kinh tế đối ngoại	3		2	1	3	3
2	GEN1007	Triết học Mác-Lênin	3		3			
3	ECO1001	Kinh tế vi mô 1	3		3			
4	LAW1001	Lý luận nhà nước và pháp luật (Pháp luật đại cương)	3		3			
5	MAT1101	Toán cao cấp (3TC)	3		5			3
		Môn học tự chọn	2					
6	GEN1101	Tâm lý học đại cương	3 chọn 1	2	2			
7	GEN1102	Nhập môn giao tiếp		2	2			
8	GEN1108	Nhân học đại cương		2	2			
9	GEN1004	Giáo dục thể chất 1		3	3			
		HỌC KỲ 2	20					
		Môn học bắt buộc	16					
1	LAW1501	Luật doanh nghiệp	3		3			
2	GEN1008	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2		2			
3	ECO1002	Kinh tế vĩ mô 1	3		3			
4	ACC1013	Nguyên lý kế toán	3		3			3
5	BUS 1100	Quản trị học căn bản	3		3			
6	MAT1002	Lý thuyết xác suất	2		2			2

		Môn học tự chọn	4		4			
7	GEN1103	Địa chính trị thế giới	3 chọn 1	2	2			
8	GEN1104	Quan hệ quốc tế		2	2			
9	GEN1109	Lịch sử văn minh thế giới		2	2			
10	GEN1105	Văn hóa học	3 chọn 1	2	2			
11	GEN1106	Xã hội học		2	2			
12	GEN1110	Cơ sở văn hoá Việt Nam		2	2			
13	GEN1005	Giáo dục thể chất 2		2	2			
14	GEN1006	Giáo dục QP (4 tuần)		165t				
		HỌC KỲ 3	15					
		Môn học bắt buộc	13		14			
1	GEN1112	Kinh tế chính trị Mac Lênin	2		2			
2		Lịch sử kinh tế Việt Nam & các nước	3		3			3
3	BUS 1200	Marketing căn bản	3		3			3
4	FIN1101	Nguyên lý thị trường tài chính	3		3			3
5	MAT1103	Thống kê ứng dụng	2		2			2
		Môn học tự chọn	2					
7	BUS1303	Kỹ năng làm việc theo nhóm	2 chọn 1	2	2			
8	GEN1111	Nghiệp vụ hành chính văn phòng		2	2			
		HỌC KỲ 4	20					
		Môn học bắt buộc	12					
1	GEN1009	Lịch sử Đảng CSVN	2		2			
2	COM1001	Kinh tế quốc tế	2		2			2
3	MIS1005	Hệ thống thông tin kinh doanh	2		1	1		2
4	MAT1004	Kinh tế lượng	3		3			3
5	LAW1518	Luật thương mại quốc tế	3		3		3	3
		Môn học tự chọn	8					
6	MIS1105	Chuyển đổi số & Trí tuệ nhân tạo	3 chọn 1	2	1	1		
7	GEN1107	Logic học		2	2			
8	ECO1060	Kinh tế số		2	2			
9	MIS1034	Thương mại điện tử	5 chọn 2	3				
10	COM1036	Đe dọa từ không gian mạng và toàn cầu hoá		3				

11	COM1027	Giao dịch thương mại quốc tế		3				
12	COM1038	Kỹ năng học thuật		3				
13	COM1042	Phương pháp nghiên cứu khoa học		3				
		HỌC KỲ 5	21					
		Môn học bắt buộc	18					
1	GEN1010	Chủ nghĩa XHKH	2		2			
2	COM1032	Kinh tế đối ngoại	3		3		3	3
3	BUS1213	Marketing quốc tế	3		2	1	3	3
4	COM1007	Chính sách tài chính quốc tế	3				3	3
5	COM1035	Kinh doanh quốc tế	4				4	4
6	MAT1010	Phân tích dữ liệu trong kinh tế	3					3
		Môn học tự chọn	3				3	3
7	LAW1504	Luật sở hữu trí tuệ	2	3	3		2 chọn 1	2 chọn 1
8	COM1022	Quản trị chuỗi cung ứng (3 TC)	chọn 1	3	2	1		
		HỌC KỲ 6	17					
		Môn học bắt buộc	11					
1	COM1010	Quản trị tài chính công ty đa quốc gia	3		2	1	3	3
2	COM1009	Vận tải và bảo hiểm quốc tế	3		3		3	3
3	COM1012	Thanh toán quốc tế	3				3	3
4	COM1030	Kiến tập	2			2		
		Môn học tự chọn chuyên sâu	6					
5	COM1028	Khởi nghiệp	4 chọn 2	3	2	1		
6	COM1018	Đầu tư quốc tế		3	2	1		
7	BUS1125	Mô hình kinh doanh số		3	3			
8	COM1033	Quản trị mua hàng toàn cầu		3	2	1		
		HỌC KỲ 7	12					
		Môn học bắt buộc	12					
1	ECO1005	Lập & Thẩm định dự án đầu tư	3		2	1		3
2	COM1011	Logistics	3		2	1	3	3
3	COM1004	Đàm phán kinh doanh quốc tế	3		3		3	3
4	COM1023	Quản trị xuất nhập khẩu	3				3	3
		HỌC KỲ 8	8					
		Môn học bắt buộc	4		4			

1	COM1031	Thực tập tốt nghiệp	4				4	4
		Môn học tự chọn chuyên sâu	4					
2	COM1041	Khóa luận tốt nghiệp			4		4	4
3	COM1046	Chuyên môn cuối khóa 1: Thuế & thủ tục hải quan (Với SV không làm KLTN)		2	2		2	2
4	COM1047	Chuyên môn cuối khóa 2: Chính sách thương mại quốc tế (Với SV không làm KLTN)		2	2		2	2
		Tổng	130				48	80

9. Ma trận các môn học và chuẩn đầu ra

Danh sách các môn học được hệ thống theo học kỳ và phân bổ giảng dạy các kỹ năng vào các môn học: mức độ giảng dạy I, T, U và trình độ năng lực yêu cầu với môn học theo trình độ năng lực.

9.1 Ma trận các môn học và chuẩn đầu ra chương trình cùng khối ngành

HK	Môn học	Số TC	Kiến thức			Thái độ					Kỹ năng			Năng lực nghề nghiệp		
			1.1	1.2	1.3	2.1	2.2	2.3	2.4	2.5	3.1	3.2	3.3	4.1	4.2	4.3
1	Giới thiệu ngành KTDN	3		IT ₃ U		IT ₂	IT ₁			IT ₁	IT ₁	T ₂		IT ₁	IT ₁	IT ₁
4	Luật thương mại quốc tế	3			IT ₃ U											
5	Kinh tế đối ngoại	4			IT ₄ U	U		T ₃ U			T ₂			T ₃ U	T ₃ U	T ₃
	Marketing quốc tế	3			IT ₄ U				T ₃							T ₃
	Chính sách tài chính quốc tế	3			IT ₄ U		T ₃ U	T ₃ U		U	IT ₂			T ₃	T ₃ U	T ₄
	Kinh doanh quốc tế	3			IT ₄ U			T ₃	T ₃ U	T ₃ U	T ₃	T ₃			T ₃	T ₄ U
	Môn học tự chọn chuyên sâu	3			IT ₄ U			T ₃	T ₃ U	T ₃ U	T ₃	T ₃			T ₃	T ₄ U
6	Thanh toán quốc tế	3			IT ₄ U	T ₄			T ₄	T ₃ U						T ₄ U
	Quản trị tài chính công ty đa quốc gia	3			IT ₄ U		T ₃		U	T ₃		U		U	U	U
	Vận tải và bảo hiểm quốc tế	3			IT ₄ U			T ₃	T ₃ U	T ₃ U	T ₃	T ₃			T ₃	T ₄ U
7	Logistics	3			IT ₄ U				UT ₄			T ₄ U				T ₄ U
	Đàm phán kinh doanh quốc tế	3			IT ₄ U		T ₄ U		UT ₄							T ₄ U
	Quản trị xuất nhập	3			IT ₄ U				UT ₄		T ₄ U					T ₄ U

	khẩu															
8	Thực tập tốt nghiệp	4	T4U	T4U	IT3U			U	U	U		U	U	U	T4U	T4U
	Khóa luận tốt nghiệp (Đối với SV làm khóa luận TN)	4	T4U	T4U	IT3U		U	U	U	U			U	U	T4U	T4U
	Chuyên môn cuối khoá 1: Thuế và thủ tục hải quan (Đối với SV không làm khóa luận)	2			IT3U		U	U	U	U			U	U	T4U	T4U
	Chuyên môn cuối khoá 2: Chính sách thương mại quốc tế (Đối với SV không làm khóa luận)	2			IT3U		U	U	U	U			U	U	T4U	T4U

9.2 Ma trận các môn học và chuẩn đầu ra chương trình không cùng khối ngành

HK	Môn học	Số TC	Kiến thức			Thái độ					Kỹ năng			Năng lực nghề nghiệp		
			1.1	1.2	1.3	2.1	2.2	2.3	2.4	2.5	3.1	3.2	3.3	4.1	4.2	4.3
1	Toán cao cấp	3	IT3U									T ₁				
	Giới thiệu ngành KTĐN	3		IT3U		IT ₂	IT ₁			IT ₁	IT ₁	T ₂		IT ₁	IT ₁	IT ₁
2	Nguyên lý kế toán	3	IT3U							U				T ₂	U	
	Lý thuyết xác suất	2	IT3U						T ₃							
3	Lịch sử kinh tế Việt Nam và các nước	3		IT3U					U			U		U	T ₂	
	Marketing căn bản	3		IT3U		U										IT ₁
	Nguyên lý thị trường tài chính	3		IT3U		U	T ₃	T ₂		T ₃						
	Thống kê ứng dụng	3		IT3U					T ₃							
4	Kinh tế học quốc tế	2		IT3U	U	U				U				U	T ₂ U	IT ₂
	Hệ thống thông tin kinh doanh	2		IT3U						T ₂				U		T ₂
	Kinh tế lượng	3		IT3U					U					T ₃		
	Luật thương	3			IT3U											

	mại quốc tế															
5	Phân tích dữ liệu trong kinh tế	3			IT3U			T ₂		U		T ₂				
	Kinh tế đối ngoại	3			IT4U	U		T ₃ U			T ₂			T ₃ U	T ₃ U	T ₃
	Marketing quốc tế	3			IT4U				T ₃							T ₃
	Chính sách tài chính quốc tế	3			IT4U		T ₃ U	T ₃ U		U	IT ₂			T ₃	T ₃ U	T ₄
	Kinh doanh quốc tế	3			IT4U			T ₃	T ₃ U	T ₃ U	T ₃	T ₃			T ₃	T ₄ U
	Môn học tự chọn chuyên sâu	3			IT4U			T ₃	T ₃ U	T ₃ U	T ₃	T ₃			T ₃	T ₄ U
6	Thanh toán quốc tế	3			IT4U	T ₄			T ₄	T ₃ U						T ₄ U
	Quản trị tài chính công ty đa quốc gia	4			IT4U		T ₃		U	T ₃		U		U	U	U
	Vận tải và bảo hiểm quốc tế	3			IT4U			T ₃	T ₃ U	T ₃ U	T ₃	T ₃			T ₃	T ₄ U
7	Lập và thẩm định dự án đầu tư	3			IT4U							T ₄ U			T ₄ U	T ₄ U
	Logistics	3			IT4U				UT ₄			T ₄ U				T ₄ U
	Đàm phán kinh doanh quốc tế	3			IT4U		T ₄ U		UT ₄							T ₄ U
	Quản trị xuất nhập khẩu	3			IT4U				UT ₄		T ₄ U					T ₄ U
8	Thực tập tốt nghiệp	4	T ₄ U	T ₄ U	IT ₃ U			U	U	U		U	U	U	T ₄ U	T ₄ U
	Khóa luận tốt nghiệp (Đối với SV làm khóa luận TN)	4	T ₄ U	T ₄ U	IT ₃ U		U	U	U	U			U	U	T ₄ U	T ₄ U
	Chuyên môn cuối khoá 1: Thuế và thủ tục hải quan (Đối với SV không làm khóa luận)	2			IT ₃ U		U	U	U	U			U	U	T ₄ U	T ₄ U

Chuyên môn cuối khoá 2: Chính sách thương mại quốc tế (Đối với SV không làm khóa luận)	2				IT3U		U	U	U	U			U	U	T4U	T4U
--	---	--	--	--	------	--	---	---	---	---	--	--	---	---	-----	-----

10. Mô tả văn tắt nội dung và khối lượng các môn học

1. Môn học: TOÁN CAO CẤP

Thời lượng: 3 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết: nắm vững những kiến thức toán phổ thông căn bản.

Nội dung môn học: Môn học trang bị cho sinh viên các công cụ toán học về vi phân, tích phân, ma trận, định thức làm cơ sở để ứng dụng trong tính toán và phân tích các mô hình toán kinh tế.

2. Môn học: LÝ THUYẾT XÁC SUẤT

Thời lượng: 2 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết: Sinh viên học xong các môn Toán cao cấp

Nội dung môn học: Môn học trang bị cho sinh viên các phương pháp thống kê cơ bản, phân tích được các chỉ số thống kê được áp dụng trong một số môn học định lượng, đồng thời, sinh viên có thể vận dụng được các phương pháp thống kê và phân tích này vào các nghiên cứu về kinh tế - xã hội.

3. Môn học: THỐNG KÊ ỨNG DỤNG

Thời lượng: 2 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết: Sinh viên có kiến thức những môn học Toán cao cấp, Lý thuyết xác suất

Nội dung môn học: Môn học cung cấp một cách có hệ thống về lý thuyết và áp dụng thực tế các phương pháp điều tra thống kê bao gồm việc thu thập thông tin ban đầu về các hiện tượng kinh tế - xã hội và việc xử lý các thông tin đã thu thập; áp dụng các phương pháp phân tích kinh tế - xã hội làm cơ sở cho dự đoán các mức độ của hiện tượng trong tương lai nhằm giúp cho các quyết định trong quản lý kinh tế.

4. Môn học: NGUYÊN LÝ KẾ TOÁN

Thời lượng: 3 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết:

Nội dung môn học: Môn học cung cấp cho sinh viên các nguyên tắc kế toán căn bản, các vấn đề liên quan đến sổ sách và chứng từ kế toán, phương pháp kế toán quá trình sản xuất kinh doanh. Trên cơ sở đó, sinh viên có thể vận dụng các nguyên tắc cơ bản này để lập các bảng báo cáo kế toán như bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh.

5. Môn học: NGUYÊN LÝ THỊ TRƯỜNG TÀI CHÍNH

Thời lượng: 3 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết:

Nội dung môn học: Môn học cung cấp cho học viên những kiến thức tổng quát về thị trường tài chính, các chủ thể tham gia thị trường cũng như các công cụ/hàng hóa của thị trường. Học viên cũng được cung cấp cơ sở lý thuyết cho các vấn đề liên quan như quản lý thị trường, bảo vệ nhà đầu tư, tác động/vai trò của thị trường tài chính trong nền kinh tế. Trên cơ sở đó, học viên có những đánh giá, nghiên cứu thực tiễn thị trường tài chính, các tổ chức cũng như các công cụ tài chính ở Việt Nam.

6. Môn học: MARKETING CĂN BẢN

Thời lượng: 3 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết: Sinh viên có kiến thức kinh tế, xã hội cơ bản

Nội dung môn học: Môn học trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản về thị trường, sản phẩm và hành vi của người tiêu dùng; Cung cấp cho sinh viên phương pháp nghiên cứu thị trường; phương pháp định giá thương hiệu, chiến lược xây dựng và quảng bá thương hiệu; cách thức tổ chức kênh phân phối và dịch vụ khách hàng; cách thức tổ chức xây dựng kế hoạch, thực hiện và kiểm soát Marketing hàng năm.

7. Môn học: HỆ THỐNG THÔNG TIN KINH DOANH

Thời lượng: 2 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết: Kinh tế vi mô 1, Kinh tế vĩ mô 1.

Nội dung môn học: Môn học trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về tổ chức thông tin và hệ thống thông tin; Cơ sở công nghệ thông tin của hệ thống thông tin; Phân tích, thiết kế cài đặt hệ thống thông tin; Hệ thống thông tin phục vụ quản lý doanh nghiệp.

8. Môn học: KINH TẾ QUỐC TẾ

Thời lượng: 2 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết: Sinh viên đã học các môn Kinh tế học vi mô 1.

Nội dung môn học: Môn học cung cấp những kiến thức nâng cao cho sinh viên về kinh tế học quốc tế. Trên cơ sở đó, cung cấp những kiến thức làm cơ sở lý luận cho việc nghiên cứu các môn học thuộc lĩnh vực kinh tế đối ngoại và đề hoạch định chính sách phát triển quan hệ kinh tế quốc tế của Việt Nam.

9. Môn học: KINH TẾ LƯỢNG

Thời lượng: 3 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết: Sinh viên có kiến thức về Thống kê ứng dụng.

Nội dung môn học: Định hướng của môn học nhằm trình bày một cách cơ bản cho sinh viên những nguyên tắc lý thuyết cùng những ứng dụng của kinh tế lượng, công cụ hỗ trợ của những quyết định và dự báo cho doanh nghiệp hoặc quốc gia trong tương lai.

10. Môn học: PHÂN TÍCH DỮ LIỆU TRONG KINH TẾ

Thời lượng: 3 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết: Toán cao cấp, Lý thuyết xác suất, Thống kê ứng dụng, Kinh tế lượng

Nội dung môn học: Môn học cung cấp một cách có hệ thống các phương pháp dự báo các hiện tượng kinh tế xã hội bao gồm việc phân tích thông tin ban đầu về các hiện tượng kinh tế - xã hội và việc xử lý các thông tin đã thu thập nhằm lựa chọn phương pháp dự báo phù hợp. Trang bị các phương pháp phân tích, dự báo kinh tế - xã hội làm cơ sở cho dự đoán các mức độ của hiện tượng trong tương lai nhằm giúp cho các quyết định trong quản lý kinh tế.

11. Môn học: LỊCH SỬ KINH TẾ VIỆT NAM VÀ CÁC NƯỚC



Thời lượng: 3 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết: Kiến thức chung về khoa học xã hội, kinh tế

Nội dung môn học: Môn học trang bị cho sinh viên những hiểu biết cơ bản về những giai đoạn phát triển kinh tế, chính sách áp dụng trong từng giai đoạn của một số quốc gia tiêu biểu như Mỹ, Nhật, Trung Quốc, Liên Xô cũ; một số đặc điểm phổ biến của các quốc gia đang phát triển trong đó có khu vực Đông Nam Á và Việt Nam. Môn học đi sâu phân tích các giai đoạn phát triển kinh tế của Việt Nam từ lập quốc đến nay.

12. Môn học: LẬP & THẨM ĐỊNH DỰ ÁN ĐẦU TƯ

Thời lượng: 3 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết: Sinh viên đã học và thi môn Nguyên lý kế toán.

Nội dung môn học: Môn học nhằm trình bày các kiến thức cơ bản và nâng cao về lý thuyết và những ứng dụng thực tế của việc lập & thẩm định dự án đầu tư. Môn học sẽ được chia thành hai phần chính. Phần thứ nhất của môn học sẽ đề cập đến các bước lập dự án đầu tư, phần thứ hai của môn học sẽ tập trung vào việc thẩm định dự án đầu tư, đặc biệt chú trọng về thẩm định tính khả thi về mặt tài chính của dự án.

13. Môn học: GIỚI THIỆU NGÀNH KINH TẾ ĐỐI NGOẠI

Thời lượng: 3 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết:

Nội dung môn học: Môn học nghiên cứu các vấn đề cơ bản liên quan đến hoạt động kinh tế đối ngoại và ứng dụng kiến thức để thiết kế một hạng mục trong một dự án xuất nhập khẩu, từ đó tạo ra các sản phẩm liên quan đến hạng mục này. Ngoài ra, môn học cũng nghiên cứu các phương pháp học tập chủ động, các kỹ năng về làm việc nhóm, giải quyết vấn đề, giao tiếp trong kinh doanh, thái độ sống tích cực và các vấn đề về đạo đức kinh doanh.

14. Môn học: LUẬT THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ

Thời lượng: 3 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết: Sinh viên hiểu môn Pháp luật đại cương.

Nội dung môn học: Môn học cung cấp cho người học các kiến thức cần thiết về pháp luật hợp đồng thông qua việc phân tích pháp luật của Việt Nam trong, so sánh với pháp luật của các nước và đối chiếu với thực tiễn. Trên cơ sở đó trang bị cho người học các kỹ năng pháp lý trong việc đàm phán, soạn thảo, ký kết và thực hiện hợp đồng trong kinh doanh quốc tế.

15. Môn học: KINH TẾ ĐỐI NGOẠI

Thời lượng: 3 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết:

Nội dung môn học: Môn học cung cấp những kiến thức cơ bản và chuyên sâu cho sinh viên về những vấn đề của quan hệ kinh tế quốc tế hiện đại; quan điểm, đường lối, nguyên tắc, chính sách phát triển kinh tế đối ngoại của Việt Nam trong xu hướng khu vực hoá, quốc tế hoá và toàn cầu hoá kinh tế thế giới hiện nay.

16. Môn học: MARKETING QUỐC TẾ

Thời lượng: 3 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết: Sinh viên đã học môn marketing căn bản.

Nội dung môn học: Môn học trang bị cho người học những kiến thức marketing đủ để có thể kinh doanh trên thị trường quốc tế, thị trường toàn cầu, cụ thể: người học biết được cách thức

đánh giá và lựa chọn các cơ hội thị trường thế giới và cách thức xâm nhập thị trường thế giới, đồng thời vạch ra các chiến lược và kế hoạch marketing hỗn hợp ở thị trường xuất khẩu cụ thể và trên phạm vi thị trường toàn cầu.

17. Môn học: CHÍNH SÁCH TÀI CHÍNH QUỐC TẾ

Thời lượng: 3 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết: Đã có kiến thức Kinh tế học vi mô, kinh tế học vĩ mô, Kinh tế học quốc tế.

Nội dung môn học: Môn học cung cấp các lý thuyết, mô hình cơ bản trong lĩnh vực tài chính quốc tế và chính sách tài chính quốc tế trong nền kinh tế mở. Sau khi học môn học người học có thể hiểu, phân tích, đánh giá được các chính sách liên quan tới lĩnh vực tài chính quốc tế như: chính sách tỉ giá, chính sách tiền tệ, chính sách thương mại, của một quốc gia.

18. Môn học: KINH DOANH QUỐC TẾ

Thời lượng: 4 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết:

Nội dung môn học: Môn học cung cấp cho người học những kiến thức, hiểu biết cơ bản và chuyên sâu về kinh doanh quốc tế một cách đầy đủ, khoa học, có hệ thống và cập nhật ở mức độ có thể được với những thay đổi diễn ra từng ngày trong môi trường và hoạt động kinh doanh quốc tế toàn cầu.

19. Môn học: QUẢN TRỊ TÀI CHÍNH CÔNG TY ĐA QUỐC GIA

Thời lượng: 3 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết: Sinh viên đã học qua một số môn học khác có liên quan như Nguyên lý kế toán, tài chính quốc tế, Kinh doanh quốc tế, Kinh tế học quốc tế.

Nội dung môn học: Môn học này bao gồm các vấn đề về quản trị tài chính của công ty đa quốc gia. Đó là các vấn đề như: Tổng quan về tài chính công ty; môi trường tài chính quốc tế; Công ty đa quốc gia và vấn đề quản trị tài chính quốc tế; Quản trị rủi ro hối đoái; Quản trị tài sản lưu động; Quản trị hệ thống tài chính đa quốc gia; Quản trị thuế quốc tế; Lập kế hoạch chiến lược toàn cầu.

20. Môn học: VẬN TẢI VÀ BẢO HIỂM QUỐC TẾ.

Thời lượng: 3 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết:

Nội dung môn học: Môn học cung cấp cho sinh viên những kiến thức nền tảng và nghiệp vụ về vận tải quốc tế bằng đường biển, đường hàng không, vận tải đa phương thức và Logistics. Song song đó là các Công ước quốc tế, các nguồn luật quốc tế và Việt Nam điều chỉnh các mối quan hệ trong các phương thức vận tải trên. Trong phần Bảo hiểm hàng hóa xuất nhập khẩu, môn học cung cấp các kiến thức cơ bản về bảo hiểm; các điều kiện bảo hiểm của Hiệp hội bảo hiểm London và của Công ty bảo hiểm Việt Nam.

21. Môn học: THANH TOÁN QUỐC TẾ

Thời lượng: 3 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết: Sinh viên có kiến thức về Chính sách tài chính quốc tế.

Nội dung môn học: Môn học trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về tỉ giá hối đoái và chính sách tỉ giá, các phương tiện thanh toán quốc tế, các phương thức thanh toán quốc tế, nghiệp vụ tài trợ ngoại thương và hoạt động bảo lãnh của ngân hàng liên quan hoạt động xuất

nhập khẩu. Ngoài ra, môn học còn cung cấp cho sinh viên những kỹ năng thực hành các nghiệp vụ liên quan đến thanh toán quốc tế: thực hiện các nghiệp vụ thanh toán quốc tế, các nghiệp vụ tài trợ trong ngoại thương, bảo lãnh ngân hàng liên quan xuất nhập khẩu, bảo hiểm nguồn tiền xuất nhập khẩu,...

22. Môn học: LOGISTICS

Thời lượng: 3 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết: Sinh viên có kiến thức Thống kê ứng dụng.

Nội dung môn học: Môn học giúp sinh viên hiểu được nội dung cơ bản về logistics và các hoạt động logistics, hiểu rõ các yếu tố xác định chi phí logistics; Có kiến thức tổng quát về cách thức tổ chức hoạt động logistics đang được ứng dụng tại một số doanh nghiệp VN; Hoàn thiện và xây dựng được các phương án tối ưu cho hoạt động logistics cho DN.

23. Môn học: ĐÀM PHÁN KINH DOANH QUỐC TẾ

Thời lượng: 3 tín chỉ

Môn học tiên quyết:

Nội dung môn học: Môn học đàm phán kinh doanh doanh trang bị cho sinh viên chuyên ngành kinh tế đối ngoại những kiến thức cơ bản về lý luận và phương pháp luận, kỹ năng về đàm phán kinh doanh với các nội dung: các kỹ thuật và kỹ năng đàm phán kinh doanh, nhận thức và hiểu biết sâu sắc về nghệ thuật đàm phán.

24. Môn học: QUẢN TRỊ XUẤT NHẬP KHẨU

Thời lượng: 3 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết:

Nội dung môn học: Môn học giới thiệu cho sinh viên những kiến thức cơ bản về quản trị xuất nhập khẩu, gồm các nội dung chủ yếu như sau: Hoạch định chiến lược kinh doanh xuất nhập khẩu; Đàm phán hợp đồng xuất nhập khẩu; Soạn thảo hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế và tổ chức thực hiện các hợp đồng xuất nhập khẩu.

25. Môn học: LUẬT SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Thời lượng: 3 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết:

Nội dung môn học: Môn học giới thiệu cho sinh viên những kiến thức nền tảng về pháp luật sở hữu trí tuệ; các quy định pháp luật cụ thể về quyền tác giả, quyền sở hữu công nghiệp, luật bằng sáng chế, bản quyền, nhãn hiệu và bí mật thương mại (và các lĩnh vực khác liên quan đến SHTT của nhà nước), cũng như một số tranh cãi nổi bật trong luật sở hữu trí tuệ, bao gồm bảo vệ bằng sáng chế cho phần mềm và các phương thức kinh doanh.

26. Môn học: QUẢN TRỊ CHUỖI CUNG ỨNG

Thời lượng: 3 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết: Có kiến thức nền tảng về Thống kê ứng dụng.

Nội dung môn học: Môn học giúp sinh viên nắm được các khái niệm liên quan đến Logistics, quản trị Logistics, ứng dụng logistics trong hoạt động kinh doanh toàn cầu của các công ty đa quốc gia. Kết thúc môn học sinh viên nắm được việc thiết kế, điều hành hoạt động, kiểm tra kiểm soát chuỗi Logistics trong hoạt động sản xuất kinh doanh toàn cầu.

27. Môn học: THỰC TẬP TỐT NGHIỆP

Thời lượng: 4 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết: Sinh viên hoàn thành xong Kiến tập & tích lũy được tối thiểu 100 tín chỉ của chương trình đào tạo.

Nội dung môn học: Thực tập tốt nghiệp là yêu cầu bắt buộc của chương trình. Đây là thời gian sinh viên được tiếp cận với môi trường kinh doanh tại công ty lựa chọn. Thực tập giúp sinh viên làm quen với những nghề nghiệp và tham gia vào quá trình lao động, đồng thời áp dụng kiến thức và kỹ năng đã được trang bị trong chương trình và đáp ứng yêu cầu của nhà tuyển dụng sau khi tốt nghiệp.

28. Môn học: THUẾ & THỦ TỤC HẢI QUAN

Thời lượng: 2 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết:

Nội dung môn học: Môn học cung cấp cho sinh viên kiến thức về các loại thuế trong hoạt động xuất nhập khẩu, nguyên tắc xác định trị giá hải quan cho hàng xuất khẩu, nhập khẩu; nguyên tắc mã hoá hàng hoá xuất nhập khẩu (HS codes); nguyên tắc xác định xuất xứ cho hàng hoá xuất nhập khẩu. Sinh viên có thể áp dụng thủ tục hải quan cho hàng xuất nhập khẩu cho các loại hình kinh doanh đặc biệt. Sinh viên cũng có thể thực hành khai báo thủ tục hải quan điện tử cho một số loại hình xuất nhập khẩu đặc biệt.

29. Môn học: CHÍNH SÁCH THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ

Thời lượng: 2 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết:

Nội dung môn học: Môn học cung cấp cho người học kiến thức trong việc nhận biết, đánh giá, giải thích, phân tích các bình luận một cách logic và hệ thống các vấn đề học thuật và thực tiễn liên quan đến chính sách thương mại quốc tế của các quốc gia và Việt Nam được xây dựng trên quan điểm của WTO và các cam kết của Việt Nam với WTO. Môn học liên quan đến các nội dung như các học thuyết nền tảng về thương mại quốc tế; khung chính sách thương mại quốc tế; các công cụ của chính sách TMQT, thương mại dịch vụ, hội nhập quốc tế và khu vực của Việt Nam thông qua các vòng đàm phán đa phương và song phương.

30. Môn học: KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

Thời lượng: 4 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết: Sinh viên hoàn thành xong Thực tập tốt nghiệp.

Nội dung môn học: Khóa luận tốt nghiệp là học phần cuối cùng để nhận bằng cử nhân, thường được tổ chức vào học kỳ 8 hoặc có thể sớm hơn. Khóa luận tốt nghiệp là việc vận dụng cơ sở lý thuyết để nghiên cứu, nhận xét, đánh giá và tìm ra hướng giải quyết một vấn đề thực tiễn của doanh nghiệp hoặc của nền kinh tế. Sinh viên phải hoàn thành báo cáo khóa luận và bảo vệ trước hội đồng. Khóa luận được thực hiện bởi sinh viên dưới sự hướng dẫn khoa học của giảng viên trong một đề tài nghiên cứu nhất định liên quan đến chuyên ngành đào tạo.

11. Danh sách đội ngũ giảng viên thực hiện chương trình

11.1. Danh sách giảng viên cơ hữu

TT	Họ và tên	Năm sinh	Văn bằng cao nhất, ngành đào tạo	Kinh nghiệm giảng dạy	Môn học, học phần giảng dạy
----	-----------	----------	----------------------------------	-----------------------	-----------------------------

1	Huỳnh Thị Thúy Giang	1976	Tiến sỹ Tài chính	Đại học Kinh tế - Luật: 11 năm	Quản trị tài chính công ty đa quốc gia (Chuyên ngành)
2	Lê Tuấn Lộc	1970	Tiến sỹ Kinh tế thế giới	Đại học Kinh tế - Luật: 13 năm	Chính sách tài chính quốc tế (Chuyên ngành)
3	Trần Văn Đức	1972	Tiến sỹ Kinh tế thế giới	Đại học Kinh tế - Luật: 13 năm	Kinh tế quốc tế (Cơ sở ngành) Kinh tế đối ngoại (Chuyên ngành)
4	Trần Thanh Long	1973	Tiến sỹ Ngoại thương	Đại học Kinh tế - Luật: 12 năm	Đàm phán kinh doanh quốc tế (Chuyên ngành) Thanh toán quốc tế (Chuyên ngành)
5	Lưu Tiến Dũng	1988	Tiến sỹ Kinh tế học	Đại học Kinh tế - Luật: 1 năm	Kinh doanh quốc tế (Chuyên ngành)
6	Trần Thiện Trúc Phượng	1974	Thạc sỹ Kinh tế phát triển	Đại học Kinh tế - Luật: 13 năm	Lập & Thẩm định dự án đầu tư (Chuyên ngành)
7	Hoàng Lâm Cường	1973	Tiến Sỹ Kinh tế	Đại học Kinh tế - Luật: 12 năm	Vận tải và bảo hiểm quốc tế (Chuyên ngành) Quản trị chuỗi cung ứng (Chuyên ngành)
8	Nguyễn Hoàng Dũng	1974	Tiến sỹ SCM, logistics	Đại học Kinh tế - Luật: 12 năm	Quản trị chuỗi cung ứng (Chuyên ngành)
9	Ngô Thanh Trà	1983	Thạc sỹ Kinh tế học tài chính	Đại học Kinh tế - Luật: 12 năm	Lập & Thẩm định dự án đầu tư (Chuyên ngành)
10	Nguyễn Thị Nguyệt Quế	1974	Tiến sỹ Kinh tế	Đại học Kinh tế - Luật: 12 năm	Kinh doanh quốc tế (Chuyên ngành)
11	Nguyễn Duy Quang	1979	Thạc sỹ Kinh doanh và quản lý	Đại học Kinh tế - Luật: 9 năm	Vận tải và bảo hiểm quốc tế (Chuyên ngành) Quản trị chuỗi cung ứng (Chuyên ngành)
12	Đào Thị Ngọc	1987	Thạc sỹ Kinh tế quốc tế	Đại học Kinh tế - Luật: 9 năm	Kinh tế quốc tế (Cơ sở ngành) Kinh tế đối ngoại (Chuyên ngành)
13	Nguyễn Thị Diệu Hiền	1988	Thạc sỹ Kinh tế quốc tế	Đại học Kinh tế - Luật: 8 năm	Đầu tư quốc tế (Chuyên ngành) Thanh toán quốc tế (Chuyên ngành) Giới thiệu ngành KTĐN (Chuyên

					ngành)
14	Nguyễn Văn Nền	1989	Thạc sỹ Kinh tế quốc tế	Đại học Kinh tế - Luật: 7 năm	Kinh tế quốc tế (Cơ sở ngành) Giới thiệu ngành KTĐN (Chuyên ngành) Chính sách tài chính quốc tế (Chuyên ngành)
15	Nguyễn Công Hòa	1986	Thạc sỹ Quản trị kinh doanh	Đại học Kinh tế - Luật: 7 năm	Marketing quốc tế (Chuyên ngành)
16	Phạm Ngọc Ý	1989	Thạc sỹ Kinh tế quốc tế	Đại học Kinh tế - Luật: 7 năm	Kinh tế quốc tế (Cơ sở ngành) Đàm phán kinh doanh quốc tế (Chuyên ngành)
17	Chung Từ Bảo Như	1987	Thạc sỹ Quản trị kinh doanh	Đại học Kinh tế - Luật: 4 năm	Quản trị chuỗi cung ứng (Chuyên ngành) Kỹ năng học thuật (Chuyên ngành)
18	Phùng Tuấn Thành	1985	Thạc sỹ tài chính ngân hàng	Đại học Kinh tế - Luật: 4 năm	Quản trị tài chính công ty đa quốc gia (Chuyên ngành) Lập & Thẩm định dự án đầu tư (Chuyên ngành)
19	Mai Thị Cẩm Tú	1981	Tiến sỹ Kinh tế quốc tế	Đại học Kinh tế - Luật: 3 năm	Quản trị xuất nhập khẩu (Chuyên ngành) Vận tải và bảo hiểm quốc tế (Chuyên ngành)
20	Nguyễn Thị Phương Linh	1987	Thạc sỹ Nghiên cứu thị trường	Đại học Kinh tế - Luật: 3 năm	Kinh doanh quốc tế (Chuyên ngành)
21	Hoàng Thị Quế Hương	1983	Thạc sỹ Kinh doanh quốc tế	Đại học Kinh tế - Luật: 5 năm	Kinh doanh quốc tế (Chuyên ngành) Kỹ năng học thuật (Chuyên ngành)
22	Trương Kim Hương	1985	Thạc sỹ Kinh tế thế giới & Quan hệ kinh tế quốc tế	Đại học Kinh tế - Luật: 2 năm	Kinh tế quốc tế (Cơ sở ngành) Thanh toán quốc tế (Chuyên ngành)
23	Hà Minh Trường	1992	Thạc sỹ Quan hệ quốc tế	Đại học Kinh tế - Luật: 1 năm	Đàm phán kinh doanh quốc tế (Chuyên ngành) Chính sách thương mại quốc tế (Môn chuyên đề)
24	Nguyễn Thị Gấm	1990	Thạc sỹ Kinh tế phát triển và quốc tế	Đại học Kinh tế - Luật: 1 năm	Kinh tế quốc tế (Cơ sở ngành)
25	Ngô Quỳnh	1997	Thạc sỹ tài	Đại học Kinh	Quản trị tài chính công ty đa

	Trang		chính ngân hàng	tế - Luật: 1 năm	quốc gia (Chuyên ngành)
26	Hoàng Ngọc Hiếu	1985	Thạc sỹ Kinh tế học	Đại học Kinh tế - Luật: 1 năm	Kinh tế quốc tế (Cơ sở ngành)

11.2. Danh sách giảng viên thỉnh giảng

TT	Họ và tên	Năm sinh	Văn bằng cao nhất, ngành đào tạo	Kinh nghiệm giảng dạy	Môn học, học phần giảng dạy
1	Hoàng Vĩnh Long	1972	Tiến sỹ Kinh tế thế giới	Đại học Kinh tế - Luật: 10 năm	Kinh tế quốc tế (Cơ sở ngành) Đàm phán kinh doanh quốc tế (Chuyên ngành)
2	Hoàng Hồng Hạnh	1988	Thạc sỹ Quản trị chuỗi cung ứng		Quản trị chuỗi cung ứng (Chuyên ngành)
3	Đinh Tấn Đạt	1988	Thạc sỹ Quản lý kinh tế		Vận tải và bảo hiểm quốc tế (Chuyên ngành)
4	Hồ Thị Lan Chi		Thạc sỹ Kinh tế quốc tế		Thuế và thủ tục hải quan (Môn chuyên đề)

12. Danh sách cố vấn học tập

- TS. Trần Văn Đức
- TS. Trần Thanh Long
- TS. Mai Thị Cẩm Tú
- TS. Nguyễn Thị Nguyệt Quế
- TS. Lưu Tiến Dũng
- ThS. Chung Từ Bảo Như
- ThS. Trần Thiện Trúc Phương
- ThS. Nguyễn Hoàng Dũng
- ThS. Nguyễn Thị Phương Linh
- ThS. Nguyễn Thị Gấm
- ThS. Hà Minh Trường
- ThS. Hoàng Lâm Cường
- ThS. Nguyễn Duy Quang
- ThS. Nguyễn Công Hòa
- ThS. Ngô Thanh Trà
- ThS. Đào Thị Ngọc
- ThS. Nguyễn Thị Diệu Hiền
- ThS. Nguyễn Văn Nên
- ThS. Phùng Tuấn Thành
- ThS. Phạm Ngọc Ý
- ThS. Trương Kim Hương
- ThS. Ngô Quỳnh Trang
- ThS. Hoàng Ngọc Hiếu

13. Cơ sở vật chất phục vụ học tập:

13.1 Phòng thí nghiệm và hệ thống thiết bị thí nghiệm chính:

TT	TÊN PTN	ĐỊA ĐIỂM	ĐƠN VỊ CHỦ QUẢN	GHI CHÚ
1	Phòng máy 1	KP3, P.Linh Xuân, TĐ	Trường ĐHKT-Luật	
2	Phòng máy 2	KP3, P.Linh Xuân, TĐ	Trường ĐHKT-Luật	

3	Phòng máy 3	KP3, P.Linh Xuân, TĐ	Trường ĐHK-TLuật	
4	Phòng máy 4	KP3, P.Linh Xuân, TĐ	Trường ĐHK-TLuật	

13.2 Thư viện

- Thư viện của Trường Đại học Kinh tế - Luật
- Thư viện Trung tâm Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh

13.3 Giáo trình, tập bài giảng:

TT	Tên môn học	Tên giáo trình, tập bài giảng	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Năm xuất bản
1	Triết học Mác – Lênin	Giáo trình Triết học Mác - Lênin	Bộ Giáo dục & Đào tạo	NXB CTQG Hà Nội	2019
2	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Giáo trình tư tưởng HCM	Bộ Giáo dục & Đào tạo	NXB CTQG Hà Nội	2019
3	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	Giáo trình Lịch sử Đảng cộng sản VN	Bộ Giáo dục & Đào tạo	NXB CTQG Hà Nội	2020
4	Chủ nghĩa xã hội khoa học	Giáo trình CNXH khoa học	Bộ Giáo dục & Đào tạo	NXB CTQG Hà Nội	2019
5	Kinh tế chính trị Mác – Lênin	Giáo trình Kinh tế chính trị Mác-Lênin	Bộ Giáo dục & Đào tạo	NXB CTQG Hà Nội	2019
6	Văn hóa học	Giáo trình Văn hoá học đại cương	GS. Trần Quốc Vượng	NXB KHXH	1996
7	Xã hội học	Giáo trình xã hội học đại cương	ThS. Tạ Minh	NXB ĐHQG TP.HCM	2007
8	Cơ sở văn hoá Việt Nam	Giáo trình cơ sở văn hóa Việt Nam	GS. Trần Quốc Vượng	NXB KHXH	2006
9	Địa chính trị thế giới	Địa chính trị thế giới	Nguyễn Thị Quế, Ngô Thuý Hiền	NXB Văn hoá TT	2014
10	Quan hệ quốc tế	Quan hệ quốc tế: Những khía cạnh lý thuyết và vấn đề	Nguyễn Quốc Hùng & Hoàng Khắc Nam,	NXB CTQG, Hà Nội	2006
11	Lịch sử văn minh thế giới	Lịch sử văn minh thế giới	Vũ Dương Ninh (Chủ biên)	NXB GD	1998
12	Tâm lý học	Psychology	David G. Myers	Worth Publishers	2015
13	Nhập môn giao tiếp	Business Communication: Process and Product	Mary Ellen Guffey	South-Western College Pub	2014
14	Nhân học đại cương	Giáo trình Nhân học đại cương	Khoa Nhân học, ĐH KHXH & NV	NXB ĐHQG TP.HCM	2016
15	Kỹ năng làm việc nhóm	Kỹ năng làm việc nhóm	TS. Huỳnh Văn Sơn	NXB Trẻ	2014

16	Nghệp vụ hành chính văn phòng	Giáo trình quản trị văn phòng	GS. TS. Nguyễn Thành Độ (Chủ biên)	NXB ĐH KTQD	2012
17	Lý luận nhà nước và pháp luật	Giáo trình lý luận nhà nước và pháp luật	GS. TS. Hoàng Thị Kim Quế	NXB ĐHQG HN	2018
18	Luật doanh nghiệp	Luật kinh tế	Phạm Duy Nghĩa	ĐHQG HN	2003
19	Logic học	Logic học đại cương	TS. Nguyễn Như Hải	NXB GD	2015
20	Chuyển đổi số & Trí tuệ nhân tạo	Digital Transformation: Build Your Organization's Future for the Innovation Age	Lindsay Herbert	Bloomsbury Business	2017
21	Chuyển đổi số & Trí tuệ nhân tạo	Artificial Intelligence for Business: What You Need to Know about Machine Learning and Neural Networks	Doug Rose	Chicago Lakeshore Press	2018
22	Kinh tế số	The Oxford Handbook of the Digital Economy	Peitz, M., & Waldfogel, J.	Oxford University Press	2012
23	Kinh tế học vi mô 1	Microeconomics	David Begg, Stanley Fischer	Statistics Publisher	2013
24	Kinh tế học vĩ mô 1	Macroeconomics	Gregory Mankiw	Statistics Publisher	2013
25	Quản trị học căn bản	Fundamentals of Management: Management Myths Debunked.	Robbins S.P., Coulter M. & Decenzo D.A	Pearson Education	2017
26	Toán cao cấp	Mathematics for Economics and Business, 9th edition.	Ian Jacques	Pearson Education Limited	2018
27	Toán cao cấp	Giáo trình Toán cao cấp	PGS. TS. Lê Anh Vũ (Chủ biên)	NXB ĐHQG TP.HCM	2015
28	Lý thuyết xác suất	Giáo trình Lý thuyết xác suất	TS. Phạm Hoàng Uyên (Chủ biên)	NXB ĐHQG TP.HCM	2015
29	Thống kê ứng dụng	Statistics for Business and Economics: 11th ed	Anderson, Sweeney & Williams	South-Western Cengage Learning	2010
30	Nguyên lý kế toán	Fundamentals of accounting principles	John J. Wild, Kermit D Larson, Barbara Chiappetta	McGraw Hill	2015
31	Nguyên lý thị trường tài chính	Economics of Money, Banking and Financial Markets", 11th ed	Frederic S. Mishkin	Pearson	2014

32	Marketing căn bản	Marketing căn bản	Phan Đình Quyền, Trần Thị Ý Nhi, Võ Thị Ngọc Trinh	NXB ĐHQG TP.HCM	2013
33	Marketing căn bản	Principle of Marketing: 17th ed	Kotler P. & Armstrong	Pearson	2019
34	Hệ thống thông tin kinh doanh	Integrated Business Processes with ERP	Simha R. Magal	Wiley	2011
35	Kinh tế quốc tế	International Economics: Theory and Policy, 11th ed	Paul R. Krugman, Maurice Obstfeld	Pearson	2018
36	Kinh tế lượng	Essentials of Econometrics: 4th ed	Gujarati	McGraw Hill	2010
37	Phân tích dữ liệu trong kinh tế	Business Analytics: Methods, Models and Decisions, 2nd ed	James R. Evans	Pearson	2014
38	Lịch sử kinh tế Việt Nam & các nước	Lịch sử kinh tế Việt Nam & các nước	TS. Nguyễn Chí Hải (Chủ biên)	NXB ĐHQG TP.HCM	2006
39	Lập & Thẩm định DABT	Cost-Benefit Analysis for Investment Decisions	Jenkins, Glenn & Harberger, Arnold	Havard Institute for International Development	2019
40	Giới thiệu ngành KTĐN	Giới thiệu ngành KDQT	TS. Huỳnh Thị Thuý Giang (Chủ biên)	NXB ĐHQG TP.HCM	2018
41	Luật thương mại QT	Luật thương mại quốc tế	Mai Hồng Quỳ, Trần Việt Dũng	NXB ĐHQG TP.HCM	2012
42	Kinh tế đối ngoại	Giáo trình Kinh tế đối ngoại	Khoa Kinh tế quốc tế, HV ngoại giao VN	NXB CTQG	2010
43	Marketing quốc tế	International Marketing, 15th ed	Philip R. Cateora	McGraw Hill	2019
44	Chính sách tài chính quốc tế	Tài chính quốc tế	PGS. TS. Nguyễn Văn Tiền	NXB Thống kê	2010
45	Kinh doanh quốc tế	International Business: Competing in the Global Marketplace, 8 th Ed	Charles W. L. Hill	McGraw Hill	2011
46	Quản trị tài chính công ty ĐQG	Quản trị tài chính công ty đa quốc gia	TS. Huỳnh Thị Thuý Giang	NXB ĐHQG TP.HCM	2013
47	Vận tải và bảo hiểm quốc tế	Giao nhận vận tải và bảo hiểm	Đỗ Quốc Dũng, Trần Hoàng Giang, Nguyễn Thành Long	NXB Giao thông vận tải	2015
48	Vận tải và bảo hiểm quốc tế	International Cargo Insurance	John Dunt	Routledge	2012

49	Thanh toán quốc tế	Thanh toán quốc tế	GS. Đinh Xuân Trình	NXB LĐ-XH	2006
50	Thanh toán quốc tế	Giáo trình Thanh toán quốc tế & Tài trợ ngoại thương	GS.TS Nguyễn Văn Tiến	NXB ĐH KTQD	2021
51	Logistics	International Logistics: The Management of International Trade Operations	Pierre A. David	Cicero Books LLC	2013
52	Đàm phán kinh doanh quốc tế	Đàm phán trong kinh doanh quốc tế	Đoàn Thị Hồng Vân	NXB Thống kê	2006
53	Đàm phán kinh doanh quốc tế	Negotiation, 7th ed	Roy Lewicki and David Saunders and Bruce Barry	McGraw Hill	2015
54	Quản trị xuất nhập khẩu	Kỹ thuật nghiệp vụ ngoại thương	ThS. Trần Huỳnh Thúy Phượng	NXB Thống kê	2009
55	Luật sở hữu trí tuệ	Giáo trình Pháp Luật sở hữu trí tuệ	PGS. TS. Trần Văn Nam; ThS. Nguyễn Thị Hồng Hạnh	NXB ĐH KTQD	2018
56	Quản trị chuỗi cung ứng	Essentials of Supply Chain Management, 4th ed	Michael H. Hugos	Wiley	2018

14. Hướng dẫn thực hiện chương trình

- Đối với sinh viên: sinh viên tham gia chương trình song ngành trường Đại học Kinh tế - Luật có sự linh hoạt trong bố trí thời lượng học tập từng học kỳ. Đảm bảo không quá về số tín chỉ tối đa và đảm bảo về điều kiện môn học tiên quyết khi đăng ký môn học. Sinh viên có thể rút ngắn hoặc kéo dài thời gian đào tạo song ngành tùy theo năng lực học tập tuy nhiên nằm trong giới hạn của quy định đào tạo.
- Các đối tượng tham gia quá trình đào tạo (giảng viên, sinh viên, các đơn vị có liên quan) thực hiện theo đúng quy định đào tạo của chương trình.

TRƯỞNG KHOA



TS. HUỖNH THỊ THUÝ GIANG

HIỆU TRƯỞNG



PGS.TS NGUYỄN TIẾN DŨNG